TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2023/QĐST-DS	*Thành phố Bến Tre, ngày 18 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 10 tháng 5 năm 2023, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP L**

Địa chỉ: Số A, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: bà Trần Ngọc P – Giám đốc chi nhánh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1982;

- Ông Huỳnh Ngọc, sinh năm: 1979,

Cùng địa chỉ: C, Đại lộ Đ, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Bị đơn:

- Ông Võ Thanh T, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Văn Ngọc T, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Võ Thanh T và bà Văn Ngọc T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền tính đến ngày 07/5/2023 là 3.014.422.559 (Ba tỷ không trăm mười bốn triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm năm mươi chín) đồng gồm:

- Nợ gốc: 963.062.797 (Chín trăm sáu mươi ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi bảy) đồng, Lãi trong hạn: 33.463.287 (Ba mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng, Lãi quá hạn: 853.895 (Tám trăm năm mươi ba nghìn tám trăm chín mươi lăm) đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD84020220187 ngày 18/4/2022.

- Nợ gốc: 1.767.870.000 (Một tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng, Lãi trong hạn: 57.008.771 (Năm mươi bảy triệu không trăm lẻ tám nghìn bảy trăm bảy mươi mốt) đồng, Lãi quá hạn: 1.413.810 (Một triệu bốn trăm mười ba nghìn tám trăm mười) đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD84020220280 ngày 09/6/2022.

- Dư nợ thẻ tín dụng gồm:

+ Nợ thẻ tín dụng Visa: Nợ gốc là 73.509.189 (Bảy mươi ba triệu năm trăm lẻ chín nghìn một trăm tám mươi chín) đồng, Tiền lãi trong hạn là 14.962.871 (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi mốt) đồng, Phí (bao gồm VAT) là 974.716 (Chín trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm mười sáu) đồng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế

+ Nợ thẻ tín dụng JCB: nợ gốc là 86.337.347 (Tám mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi bảy) đồng,tiền lãi trong hạn là 14.056.129 (Mười bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn một trăm hai mươi chín) đồng, Tiền lãi quá hạn là 113.161 (Một trăm mười ba nghìn một trăm sáu mươi mốt) đồng, Phí (bao gồm VAT) là 796.586 (Bảy trăm chín mươi sáu triệu năm trăm tám mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 08/5/2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp ông Võ Thanh T và bà Văn Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP L được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số A, Số vào sổ cấp GCN C do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/12/2019, được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 17/6/2022 cho ông Võ Thanh T và bà Văn Ngọc T: thửa đất 02, tờ bản đồ số 10, diện tích 156,5m^2, loại đất: đất ở đô thị, tọa lạc tại phường N, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất HĐTC8402022174 ngày 20/6/2022 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng T ngày 20/6/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/6/2022 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B)

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY, Số vào sổ cấp GCN S do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/12/2020, được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý ngày 25/4/2022 cho ông Võ Thanh T và bà Văn Ngọc T: thửa đất 1554, tờ bản đồ số 3, diện tích 75,2m^2, loại đất: đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã P, thành phố B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC8402022129 ngày 28/4/2022 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng T ngày 28/4/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 29/4/2022)

Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm được giảm 50% là 46.144.000(Bốn mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng ông T và bà T tự nguyện chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng TMCP L số tiền 43.937.000 (Bốn mươi ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0002706 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Bến Tre;
- Các đương sự;
- THADS TP.Bến Tre;
- Toà án tỉnh ;
- Lưu HS,VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương